

## BÀN VỀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HÀN QUỐC HỌC Ở VIỆT NAM TRONG TƯƠNG LAI

Lưu Tuấn Anh\*

### Tóm tắt

*Việt Nam và Hàn Quốc chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao từ năm 1992. Trong gần 30 năm đào tạo và nghiên cứu, ngành Hàn Quốc học ở Việt Nam đã cung cấp được nguồn nhân lực chất lượng phục vụ cho đất nước, đóng góp vào sự nghiệp phát triển quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc, củng cố và tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau của người dân hai nước.*

*Hướng đến cục diện mới của thế giới sau 30 năm với nhiều thay đổi, hướng đến sự phát triển nhanh chóng của mối quan hệ giữa hai quốc gia, bước sang một giai đoạn phát triển mới, Hàn Quốc học cũng đòi hỏi cần phải có sự cải tiến, đổi mới. Bài viết này có mục đích nhằm góp phần tìm kiếm ra những định hướng phát triển mới cho Hàn Quốc học của Việt Nam để có thể đóng góp nhiều hơn nữa, nâng tầm cho mối quan hệ Việt - Hàn trong tương lai. Đồng thời cũng qua đó có thể xác định được các nội dung đào tạo, nghiên cứu cũng như tầm quan trọng của các lĩnh vực trong ngành Hàn Quốc học sau này.*

**Từ khóa:** Hàn Quốc học tại Việt Nam, vai trò của Hàn Quốc học, quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc, bước phát triển mới của Hàn Quốc học

### Mở đầu

Khái niệm khu vực vốn chỉ vào khái niệm không gian, chú ý đến các yếu tố về không gian địa lý. Do đó, khu vực có thể là một quốc gia hoặc nhiều quốc gia, mà cũng có thể chỉ là một địa phương trong một quốc gia. Quốc gia trong khu vực học, như vậy, bản thân nó cũng là một trong những đối tượng, một đơn vị nghiên cứu chính. Đất nước học, theo tên gọi của nó đã cho thấy giới hạn rõ hơn về phạm vi, thực tế là nghiên cứu khu vực học theo những đặc trưng, thuộc tính của quốc gia.

Chính vì thế, đất nước học cũng nghiên cứu tất cả các yếu tố có trong "không gian" quốc gia theo hướng tiếp cận liên ngành, đề cập đến tất cả mọi vấn đề theo kiến thức của rất nhiều các ngành, các lĩnh vực khác nhau. Mục đích chính của nó là đem lại những hiểu biết hơn về các quốc gia, góp phần thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, phát triển quan hệ hữu nghị giữa các quốc gia, dân tộc, đem lại sự ổn định, an ninh cho khu vực...

Khu vực học không đơn thuần là những kiến thức về địa lý, trong đó đất nước học không chỉ là những nghiên cứu giới hạn trong không gian lãnh thổ, nó là khoa học có hướng tiếp cận liên ngành, mô tả phân tích bản chất của tất cả mọi mặt của "vùng lãnh thổ" và mối tương quan thế giới xung quanh, ở đó cần đến kiến thức của tất cả các ngành khoa học khác nhau...<sup>1</sup>

\*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

<sup>1</sup> Lương Văn Kế, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Ngoại ngữ 28 (2012) 194-209

Khu vực học nói chung, đất nước học nói riêng, kể từ khi ra đời, mặc dù có thể phục vụ cho các mục đích khác nhau, định hướng khác nhau nhưng sau một quá trình phát triển, đã có được vị trí, có được thành tựu nhất định ở cả phương Tây và phương Đông. Tuy nhiên, trong quá trình vận động của lịch sử, sự phát triển của khoa học, những bối cảnh mới và tư duy nhận thức mới luôn đặt ra yêu cầu cho khu vực học phải tự thân chuyển biến, đổi mới về phương pháp, đối tượng và phạm vi nghiên cứu. Khu vực học, đất nước học ngày nay cần có những cách tiếp cận hiện đại, gắn chặt với thực tiễn và hướng đến sự phát triển của tương lai.

### **1. Về mối quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc**

Đông phương từ xa xưa đã là khu vực được đánh giá có nhiều tiềm năng, được các nước lớn phương Tây chú ý. Từ chỗ được tập trung nghiên cứu để mô tả, chinh phục và khai thác đã dần chuyển sang giai đoạn nghiên cứu bản chất đối tượng để hợp tác và xác định cho vị trí của mình. Việt Nam nằm trong khu vực tiềm năng đó, nên việc nghiên cứu, tìm hiểu chính những quốc gia xung quanh mình lại càng quan trọng. Vấn đề không chỉ là đề hội nhập mà còn để làm rõ, khẳng định được bản sắc của chính mình. Nói cách khác, việc tìm hiểu các quốc gia khác trong khu vực không chỉ đem lại nhiều cơ hội giao lưu, hợp tác mới một cách có hiệu quả mà còn là động lực để thúc đẩy sự phát triển nội tại của đất nước.

So với một số quốc gia khác trong khu vực châu Á, cụ thể hơn là khu vực Đông Bắc Á, Hàn Quốc đang là nước có mối quan hệ tiến triển hết sức nhanh chóng với Việt Nam. Hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao cấp đại sứ năm 1992, nâng cấp lên quan hệ "Đối tác toàn diện" năm 2002, và đã phát triển thành quan hệ "Đối tác hợp tác chiến lược" năm 2009. Thành quả phát triển quan

hệ này một phần là nhờ vào những chính sách tích cực từ hai chiều của chính phủ hai nước, nhưng đồng thời cũng cho thấy ở đây một môi trường hợp tác có nhiều thuận lợi và hứa hẹn còn nhiều tiềm năng chưa được khai thác hết.

So với thời điểm giai đoạn đầu thiết lập quan hệ ngoại giao, kim ngạch thương mại song phương hai nước đã tăng từ 500 triệu USD lên trên 70 tỉ USD và đang tiếp tục hướng tới mục tiêu 100 tỉ USD sau này<sup>2</sup>. Vốn đầu tư của Hàn Quốc tại Việt Nam cũng tăng từ 100 triệu USD lên thành hơn 70 tỉ USD (lũy kế)<sup>3</sup>, Hàn Quốc trở thành một trong các quốc gia có dự án và vốn đầu tư nhiều nhất vào Việt Nam. Việc qua lại của người dân hai nước cũng trở nên sôi động hơn, tăng từ 10 nghìn người của giai đoạn ban đầu lên khoảng hơn 4,5 triệu người của giai đoạn hiện nay (tính đến năm 2019, tất nhiên có sự chững lại ở 2 năm gần đây do dịch covid)...

Với tốc độ phát triển của quan hệ ngoại giao, kinh tế, văn hóa... giữa hai nước, với chính sách quảng bá hình ảnh hiệu quả, đặc biệt là thông qua làn sóng Hallyu của Hàn Quốc, hình ảnh đất nước, con người Hàn Quốc, văn hóa của Hàn Quốc đã được đông đảo người dân Việt Nam biết đến. Năm 2017, từ khi chính quyền tổng thống Moon Jae-in đưa ra "Chính sách Hướng Nam mới", Hàn Quốc đã tăng cường hợp tác với các quốc gia ASEAN chọn Việt Nam làm trung tâm, trở thành cánh cửa đưa Hàn Quốc đến với các quốc gia Đông Nam Á, và nhờ đó, mối quan hệ hợp tác của hai nước phát triển hơn bao giờ hết, cho thấy sự ổn định và tương lai gắn bó lâu dài.

<sup>2</sup> <http://hanoimoi.com.vn/tin-tuc/Doi-ngoai/1006586/thuc-day-quan-he-doi-tac-hop-tac-chien-luoc-viet-nam-han-quoc>

<sup>3</sup> <https://laodong.vn/tien-te-dau-tu/han-quoc-dau-tu-truc-tiep-vaio-viet-nam-tang-436-trong-6-thang-dau-nam-938229.Ido>

## 2. Quy mô của Hàn Quốc học tại Việt Nam

Ngành Hàn Quốc học ở Việt Nam ra đời gần như song song với thời điểm chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao của Việt Nam và Hàn Quốc. Cơ sở đào tạo và nghiên cứu về Hàn Quốc học được đặt ở hai Đại học quốc gia ở hai đầu đất nước là Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, đồng thời có một trung tâm nghiên cứu lớn được xây dựng ở Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam. Thêm vào đó, từ năm 2011, Việt Nam đã có Hội Nghiên cứu Khoa học về Hàn Quốc. Các cơ quan, đơn vị này ra đời khi mối quan hệ Việt Nam và Hàn Quốc bắt đầu được mở rộng, tăng cường ở mọi lĩnh vực, văn hóa, xã hội và có mục tiêu, sứ mạng là đáp ứng cho yêu cầu tìm hiểu, học tập chuyên sâu về Hàn Quốc, phát triển được nguồn nhân lực chất lượng cao, phục vụ nhu cầu của xã hội, tạo điều kiện học hỏi kinh nghiệm phát triển khoa học công nghệ và kinh tế xã hội của Hàn Quốc.

Trong số hơn 40 cơ sở đào tạo tiếng Hàn và kiến thức liên quan đến Hàn Quốc hiện nay, mặc dù quy mô hoạt động, loại hình và số lượng đào tạo ít hơn nhưng trong gần 30 năm qua, các đơn vị đào tạo và nghiên cứu Hàn Quốc học của Việt Nam cũng đã đưa ra xã hội hàng nghìn cử nhân tốt nghiệp, cung cấp đội ngũ chuyên gia và cán bộ làm việc trong nhiều cơ quan, doanh nghiệp, đào tạo nên những người vừa có khả năng sử dụng thành thạo tiếng Hàn vừa có kiến thức vững vàng về Hàn Quốc, đóng góp cho việc xây dựng mối quan hệ giữa hai nước trên tất cả mọi phương diện.

Các hoạt động tổ chức sự kiện văn hóa và nghiên cứu học thuật được tổ chức đều đặn hàng năm với sự kết hợp, hỗ trợ của các cơ quan, tổ chức của Hàn Quốc. Số công trình nghiên cứu về Hàn Quốc học và

tiếng Hàn tăng lên con số hàng nghìn (ước tính khoảng trên dưới 3000 công trình)<sup>4</sup>... Điều này một phần là do nhu cầu tìm hiểu kiến thức về Hàn Quốc ngày càng đòi hỏi phải chuyên sâu hơn, một phần là do nguồn nhân lực nghiên cứu về Hàn Quốc cũng ngày càng gia tăng. (Vấn đề này có liên quan đến nguyên nhân số lượng lưu học sinh Việt Nam du học từ Hàn Quốc về ngày càng gia tăng.)

Cùng với sự phát triển của mối quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc, có rất nhiều lĩnh vực cần đến kiến thức tổng hợp về Hàn Quốc học để giải quyết phát sinh tồn tại trong quá trình giao lưu hợp tác, đồng thời cũng để nâng quan hệ lên những tầm cao mới, hiệu quả hơn. Việc đào tạo ra nguồn nhân lực chuẩn bị cho tương lai, những người không chỉ có kiến thức về tiếng Hàn như một công cụ mà còn phải hiểu biết về Hàn Quốc một cách toàn diện là điều cần thiết, không thể thiếu. Nhận thức được điều này, một số cơ sở đào tạo tiếng Hàn ở Việt Nam đã mở rộng sang đào tạo chuyên ngành có kiến thức về đất nước học, khiến việc học tập và nghiên cứu về Hàn Quốc của Việt Nam có nhiều chuyên biến tích cực, đa dạng và toàn diện hơn. Việc các cơ sở đào tạo tiếng Hàn đổi theo hướng đào tạo hay nghiên cứu tổng hợp về Hàn Quốc đã cho thấy xu hướng nghiên cứu Hàn Quốc theo cách tiếp cận khu vực học đang ngày càng nhận được sự quan tâm...

## 3. Hướng phát triển của Hàn Quốc học ở Việt Nam trong giai đoạn tiếp theo

Quan hệ hợp tác kinh tế Việt Nam - Hàn Quốc ngày càng có nhiều hứa hẹn với những thành tựu đáng kể. Hàn Quốc hiện

<sup>4</sup> Theo Nguyễn Thị Thắm ("Tổng thư mục nghiên cứu Hàn Quốc tại Việt Nam", NXB Giáo dục, 2015) thì tính đến 2014 đã có tới 1851 công trình nghiên cứu được thu mục hóa.

đang là quốc gia đứng thứ nhất về đầu tư với hơn 9.100 dự án, tổng vốn đăng ký đạt hơn 72 tỷ USD, là đối tác lớn thứ hai về thương mại, và là quốc gia đứng thứ hai về viện trợ ODA<sup>5</sup>. Giai đoạn 2019-2021 vừa qua, mặc dù phải đối mặt với dịch bệnh Covid-19 nhưng Hàn Quốc vẫn là quốc gia hàng đầu về vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam. Thậm chí, trong khi đầu tư nước ngoài vào Việt Nam giảm, năm 2021, đầu tư của Hàn Quốc lại tăng 43,6% so với cùng kỳ năm trước... Hàn Quốc có kinh nghiệm phát triển, có năng lực về vốn, về khoa học công nghệ, Việt Nam có môi trường hòa bình, ổn định, đang chủ động trong hội nhập, năng động trong đổi mới cải cách, có thị trường, nguồn nhân lực... Đó chính là những yếu tố đem lại mối quan hệ phát triển không ngừng cho hai quốc gia.

Trong các cuộc gặp gần đây của lãnh đạo Việt Nam và Hàn Quốc như cuộc gặp của chủ tịch quốc hội hai nước (23/6/2021), điện đàm của thủ tướng hai nước (22/7/2021), chuyến thăm Hàn Quốc của Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ (12/12/2021)... đều có nhắc đến việc nâng cấp quan hệ ngoại giao lên thành "Hợp tác Đối tác chiến lược toàn diện". Lãnh đạo hai quốc gia đều bày tỏ sự coi trọng nhau như đối tác ưu tiên hàng đầu, hứa hẹn có những chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho nhau để phát triển một mối quan hệ lâu dài, bền vững...

Khi mối quan hệ hai nước phát triển lên tầm cao mới một cách toàn diện, tất yếu sẽ xuất hiện nhiều vấn đề liên quan đến các lĩnh vực chuyên sâu như pháp luật, khoa học công nghệ, y tế, giáo dục, môi trường,

bên cạnh các lĩnh vực hợp tác truyền thống như kinh tế, văn hóa, xã hội v.v... Trong quá trình đó, Hàn Quốc học hay Việt Nam học cần có vai trò bám sát thực tế, liên kết được với đa dạng các ngành, các lĩnh vực mũi nhọn để hỗ trợ. Ở Việt Nam, Hàn Quốc học cần truyền tải và vận dụng những kiến thức đúng đắn về đất nước học, giảm thiểu mâu thuẫn, phát huy được thế mạnh của mỗi nước trong quan hệ hợp tác. Để có định hướng nhìn xa, lâu dài và ổn định, mối liên kết đa ngành này, thậm chí không nên chỉ dừng lại ở khoa học xã hội nhân văn, mà còn cần tiến xa hơn tới các ngành của khoa học tự nhiên và công nghệ...

Bên cạnh thành tựu hai nước Việt Nam, Hàn Quốc cùng đạt được trong suốt 30 năm qua, không phải không có những vấn đề còn tồn tại, cần được giải quyết. Chẳng hạn như các vấn đề về quy định, chính sách tạo môi trường đầu tư thuận lợi, mở ra nhiều cơ hội phát triển hợp tác trên nhiều lĩnh vực; vấn đề về phát triển ngoại giao nhân dân... Đặc biệt, cần có sự hợp tác để định hướng giải quyết được các vấn đề của xã hội, vấn đề về con người...

Trong thời gian qua, chỉ nhìn vào việc một số lượng lớn phụ nữ Việt Nam di trú sang Hàn Quốc sinh sống theo diện hôn nhân quốc tế cũng có thể thấy xoay quanh mối quan hệ này có hàng loạt các vấn đề về ngôn ngữ, văn hóa, kinh tế, xã hội. Gia đình đa văn hóa có người mẹ quốc tịch Việt Nam và con cái của họ đã trở thành một tế bào trong xã hội Hàn Quốc và cũng là một yếu tố không nhỏ tác động tới mối quan hệ của hai quốc gia trong tương lai.

<sup>5</sup> <https://vietnam.vnanet.vn/vietnamese/xung-luc-moi-thuc-day-quan-he-doi-tac-hop-tac-chien-luoc-hai-nuoc-viet-nam-han-quoc/504829.html>

**Tỉ lệ kết hôn theo quốc tịch gốc của gia đình đa văn hóa  
tại Hàn Quốc năm 2017-2019**

(Đơn vị: Số cuộc, %)

| <b>Chồng</b>         | <b>2017</b> | <b>2018</b> | <b>2019</b>   |  | <b>Vợ</b>            | <b>2017</b> | <b>2018</b> | <b>2019</b>   |
|----------------------|-------------|-------------|---------------|--|----------------------|-------------|-------------|---------------|
| <b>Số cuộc</b>       | 21,917      | 23,773      | <b>24,721</b> |  | <b>Số cuộc</b>       | 21,917      | 23,773      | <b>24,721</b> |
| <b>Tổng tỉ lệ</b>    | 100.0       | 100.0       | <b>100.0</b>  |  | <b>Tổng tỉ lệ</b>    | 100.0       | 100.0       | <b>100.0</b>  |
| <b>Hàn Quốc</b>      | 69.1        | 70.7        | <b>72.9</b>   |  | <b>Hàn Quốc</b>      | 20.0        | 18.8        | <b>17.7</b>   |
| <b>Nước ngoài</b>    | 30.9        | 29.3        | <b>27.1</b>   |  | <b>Nước ngoài</b>    | 80.0        | 81.2        | <b>82.3</b>   |
| <i>Trung Quốc</i>    | 10.2        | 9.4         | <b>8.2</b>    |  | <i>Việt Nam</i>      | 27.7        | 30.0        | <b>30.4</b>   |
| <i>Mỹ</i>            | 6.4         | 6.2         | <b>6.1</b>    |  | <i>Trung Quốc</i>    | 25.0        | 21.6        | <b>20.3</b>   |
| <i>Việt Nam</i>      | 2.7         | 2.5         | <b>2.6</b>    |  | <i>Thái Lan</i>      | 4.7         | 6.6         | <b>8.3</b>    |
| <i>Canada</i>        | 2.0         | 1.7         | <b>1.5</b>    |  | <i>Nhật Bản</i>      | 3.9         | 4.2         | <b>3.7</b>    |
| <i>Nhật Bản</i>      | 1.4         | 1.3         | <b>1.1</b>    |  | <i>Philippines</i>   | 4.3         | 4.0         | <b>3.6</b>    |
| <i>Anh</i>           | 0.8         | 0.8         | <b>0.8</b>    |  | <i>Mỹ</i>            | 2.8         | 2.7         | <b>2.7</b>    |
| <i>Úc</i>            | 0.9         | 0.8         | <b>0.7</b>    |  | <i>Campuchia</i>     | 2.5         | 2.5         | <b>2.5</b>    |
| <i>Campuchia</i>     | 0.3         | 0.6         | <b>0.7</b>    |  | <i>Nga</i>           | 0.8         | 1.0         | <b>1.3</b>    |
| <i>Đài Loan (TQ)</i> | 0.6         | 0.6         | <b>0.6</b>    |  | <i>Đài Loan (TQ)</i> | 1.3         | 1.3         | <b>1.3</b>    |
| <i>Pháp</i>          | 0.6         | 0.5         | <b>0.5</b>    |  | <i>Uzbekistan</i>    | 1.1         | 1.2         | <b>1.2</b>    |
| <i>Các nước khác</i> | 4.8         | 4.8         | <b>4.4</b>    |  | <i>Các nước khác</i> | 5.9         | 6.1         | <b>6.9</b>    |

<Nguồn: Cục Thống kê xã hội, Tổng cục Thống kê Hàn Quốc, "Báo cáo thống kê dân số gia đình đa văn hóa năm 2019">

**Tỉ lệ ly hôn theo quốc tịch gốc của gia đình đa văn hóa  
tại Hàn Quốc năm 2017 - 2019**

(Đơn vị: Số cuộc, %)

| <b>Chồng</b>         | <b>2017</b> | <b>2018</b> | <b>2019</b>  |  | <b>Vợ</b>            | <b>2017</b> | <b>2018</b> | <b>2019</b>  |
|----------------------|-------------|-------------|--------------|--|----------------------|-------------|-------------|--------------|
| <b>Số cuộc</b>       | 10,307      | 10,254      | <b>9,868</b> |  | <b>Số cuộc</b>       | 10,307      | 10,254      | <b>9,868</b> |
| <b>Tổng tỉ lệ</b>    | 100.0       | 100.0       | <b>100.0</b> |  | <b>Tổng tỉ lệ</b>    | 100.0       | 100.0       | <b>100.0</b> |
| <b>Hàn Quốc</b>      | 76.3        | 75.0        | <b>74.1</b>  |  | <b>Hàn Quốc</b>      | 15.2        | 16.1        | <b>17.1</b>  |
| <b>Nước ngoài</b>    | 23.7        | 25.0        | <b>25.9</b>  |  | <b>Nước ngoài</b>    | 84.8        | 83.9        | <b>82.9</b>  |
| <i>Trung Quốc</i>    | 12.7        | 12.9        | <b>13.2</b>  |  | <i>Trung Quốc</i>    | 41.8        | 39.9        | <b>37.8</b>  |
| <i>Nhật Bản</i>      | 4.3         | 4.8         | <b>4.5</b>   |  | <i>Việt Nam</i>      | 26.0        | 26.1        | <b>26.5</b>  |
| <i>Mỹ</i>            | 2.1         | 2.5         | <b>2.8</b>   |  | <i>Philippines</i>   | 3.8         | 3.9         | <b>3.9</b>   |
| <i>Việt Nam</i>      | 0.6         | 0.8         | <b>1.1</b>   |  | <i>Campuchia</i>     | 3.0         | 3.3         | <b>3.1</b>   |
| <i>Canada</i>        | 0.5         | 0.5         | <b>0.6</b>   |  | <i>Nhật Bản</i>      | 1.7         | 1.8         | <b>2.0</b>   |
| <i>Pakistan</i>      | 0.6         | 0.5         | <b>0.5</b>   |  | <i>Thái Lan</i>      | 1.4         | 1.6         | <b>1.9</b>   |
| <i>Đài Loan(TQ)</i>  | 0.4         | 0.3         | <b>0.4</b>   |  | <i>Mỹ</i>            | 1.4         | 1.3         | <b>1.5</b>   |
| <i>Bangladesh</i>    | 0.2         | 0.2         | <b>0.3</b>   |  | <i>Uzbekistan</i>    | 1.2         | 1.4         | <b>1.3</b>   |
| <i>Sri Lanka</i>     | 0.2         | 0.2         | <b>0.2</b>   |  | <i>Mông Cổ</i>       | 1.0         | 1.1         | <b>1.0</b>   |
| <i>Philippines</i>   | 0.1         | 0.2         | <b>0.2</b>   |  | <i>Canada</i>        | 0.5         | 0.4         | <b>0.6</b>   |
| <i>Các nước khác</i> | 2.0         | 2.0         | <b>2.1</b>   |  | <i>Các nước khác</i> | 3.1         | 3.2         | <b>3.4</b>   |

<Nguồn: Cục Thống kê xã hội, Tổng cục Thống kê Hàn Quốc, "Báo cáo thống kê dân số gia đình đa văn hóa năm 2019">

Theo số liệu trong báo cáo thống kê trên của Tổng cục Thống kê Hàn Quốc, có thể dễ dàng nhận thấy so với nam giới, nữ giới Việt Nam lấy chồng Hàn Quốc và di trú sang Hàn Quốc sinh sống đang ngày càng tăng. Trong các gia đình đa văn hóa của Hàn Quốc, phụ nữ quốc tịch Việt Nam đang đứng đầu, chiếm 30,4% vượt lên trên phụ nữ quốc tịch Trung Quốc. Tỷ lệ ly hôn có ít hơn so với phụ nữ Trung Quốc nhưng cũng đang chiếm vị trí

thứ hai, chiếm 26,5%, nhiều hơn 20% so với tất cả các quốc gia khác. Cả hai tỷ lệ kết hôn và ly hôn của phụ nữ Việt Nam trong gia đình đa văn hóa Hàn Quốc hàng năm đều đang cùng có xu hướng tăng (khoảng 0,4%). Điều này đặt ra các vấn đề về chế độ, chính sách giúp cho phụ nữ Việt Nam hòa nhập cộng đồng xã hội Hàn Quốc, vấn đề hỗ trợ về mặt pháp lý và tương lai phát triển của trẻ em trong gia đình đa văn hóa...

### Tỷ lệ trẻ sơ sinh tính theo quốc tịch gốc của bố mẹ trong gia đình đa văn hóa tại Hàn Quốc năm 2017 - 2019

(Đơn vị: người, %)

| Bố            | 2017   | 2018   | 2019   | Mẹ            | 2017   | 2018   | 2019   |
|---------------|--------|--------|--------|---------------|--------|--------|--------|
| Số trẻ ra đời | 18,440 | 18,079 | 17,939 | Số trẻ ra đời | 18,440 | 18,079 | 17,939 |
| Tổng tỉ lệ    | 100.0  | 100.0  | 100.0  | Tổng tỉ lệ    | 100.0  | 100.0  | 100.0  |
| QT Hàn Quốc   | 74.8   | 74.5   | 75.4   | QT Hàn Quốc   | 16.0   | 15.9   | 14.0   |
| QT nước ngoài | 25.2   | 25.5   | 24.6   | QT nước ngoài | 84.0   | 84.1   | 86.0   |
| Trung Quốc    | 7.5    | 7.6    | 8.0    | Việt Nam      | 34.7   | 35.6   | 38.2   |
| Mỹ            | 5.5    | 5.5    | 4.3    | Trung Quốc    | 22.0   | 20.8   | 19.9   |
| Việt Nam      | 2.8    | 2.9    | 3.5    | Philippines   | 7.3    | 6.9    | 6.1    |
| Canada        | 1.8    | 1.7    | 1.4    | Campuchia     | 4.0    | 4.1    | 4.1    |
| Nhật Bản      | 1.5    | 1.3    | 1.0    | Nhật Bản      | 3.9    | 3.8    | 3.8    |
| Úc            | 0.8    | 0.7    | 0.7    | Thái Lan      | 1.8    | 2.4    | 3.1    |
| Đài Loan (TQ) | 0.7    | 0.8    | 0.7    | Mỹ            | 2.2    | 2.2    | 2.1    |
| Các nước khác | 4.7    | 5.1    | 5.0    | Các nước khác | 8.0    | 8.1    | 8.6    |

<Nguồn: Cục Thống kê xã hội, Tổng cục Thống kê Hàn Quốc. "Báo cáo thống kê dân số gia đình đa văn hóa năm 2019">

Bảng thống kê trên cũng cho thấy tỷ lệ sinh con của gia đình đa văn hóa có người mẹ là người Việt hiện tại đang chiếm 38,2%, xếp hạng cao nhất. Tình hình hôn nhân quốc tế của người Việt với người Hàn xuất hiện trở lại từ sau khi hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức vào năm 1992 và gia tăng đột biến, gấp hơn 30 lần kể từ năm 2000<sup>6</sup>. Như vậy có thể thấy số đông con em gia đình đa văn hóa Hàn - Việt bắt đầu đến độ tuổi học tập bậc đại học, sắp trở

thành một lực lượng lao động không nhỏ ở Hàn Quốc và ít nhiều sẽ có tác động tới mối quan hệ Việt - Hàn. Liên quan đến yếu tố con người này, có đa dạng nhiều ngành, nhiều lĩnh vực đòi hỏi phải được tiếp cận, nghiên cứu... và ở đó có vai trò, nhiệm vụ của Hàn Quốc học.

Như vậy, có thể thấy giai đoạn sắp tới, Hàn Quốc học có rất nhiều các công việc để triển khai và hoạt động nghiên cứu của Hàn Quốc học ở Việt Nam cũng cần phải gắn với thực tế, có ý nghĩa, giá trị thực tiễn, hỗ trợ giải quyết được nhiều vấn đề thiết thực của xã hội, qua đó, đóng góp vào

<sup>6</sup> Hà Minh Thành, Nghiên cứu về hôn nhân quốc tế Hàn Quốc - Việt Nam sau năm 1992, luận văn, Đại học Seoul, 2005

việc duy trì và phát triển mối quan hệ của Việt Nam - Hàn Quốc. Chẳng hạn như các vấn đề liên quan đến cư trú và lao động bất hợp pháp, vấn đề về mất cân bằng trong cán cân thương mại song phương, vấn đề về mở cửa hợp tác trong giai đoạn nạn dịch covid-19, vấn đề hôn nhân quốc tế và gia đình đa văn hóa Hàn - Việt v.v... Giải quyết cho những bài toán này, cần phải có sự chung tay của nhà nghiên cứu cả hai phía Hàn Quốc và Việt Nam, cung cấp những thông tin đúng đắn, phục vụ cho chính sách của chính phủ hai nước.

### Kết luận

Trong giai đoạn hiện nay, bối cảnh chính trị thế giới có nhiều chuyển biến, nạn dịch covid-19 xuất hiện trên toàn cầu với diễn biến phức tạp... đã đặt ra những bài toán mới cho các nhà nghiên cứu ở mọi lĩnh vực. Sự phát triển của khoa học công nghệ đã và đang đem lại nhiều đổi mới trong sáng tạo, và có tác động nhiều đến đời sống xã hội... Tất cả những điều đó đòi hỏi Hàn Quốc học phải có phương hướng, cách thức nghiên cứu mới, tiếp cận với những tri thức mới và công nghệ khoa học hiện đại. Để có cải tiến cho giai đoạn tiếp theo, cần có sự giao lưu học thuật, mở rộng tầm nhìn ra các cơ sở đào tạo, nghiên cứu trong khu vực và trên thế giới. Bước sang giai đoạn đổi mới của 30 năm tiếp theo, ngành Hàn Quốc học cần có thêm nhiều hoạt động học thuật sôi nổi hơn nữa, tổ chức thêm các buổi tọa đàm, hội nghị khoa học quốc tế... lấy được ý kiến của nhiều chuyên gia nghiên cứu của đa ngành, đa lĩnh vực ở cả trong và ngoài nước để từ đó có thể xây dựng nên định hướng phát triển, cải tiến được hoạt động đào tạo và nghiên cứu, mang lại những giá trị thiết thực hơn cho xã hội, đóng góp hiệu quả hơn cho sự phát triển quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc lên những tầm cao mới.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1) Lương Văn Kế, *Quốc tế học và khu vực học: Những khía cạnh phương pháp luận*, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Ngoại ngữ 28 (2012).
  - 2) Hà Minh Thành, *Nghiên cứu về hôn nhân quốc tế Hàn Quốc - Việt Nam sau năm 1992, luận văn*, Đại học Seoul, 2005 (Hà Minh Thành, 1992년 이후 한국과 베트남 사이의 국제결혼에 대한 연구 -베트남 여성의 문화적 적응을 중심으로-, 서울대학교 국제대학원 석사학위 논문, 2005).
  - 3) Nguyễn Thị Thắm, *Tổng thư mục nghiên cứu Hàn Quốc tại Việt Nam*", NXB Giáo dục, 2015.
- Website:**
- 4) <http://hanoimoi.com.vn>
  - 5) <https://laodong.vn>
  - 6) <https://vietnam.vn.net.vn>
  - 7) <https://kostat.go.kr/> (Cục Thống kê Hàn Quốc)

### Abstract

#### DISCUSSING THE DEVELOPMENT ORIENTATION OF KOREAN STUDIES IN VIETNAM IN THE FUTURE

*Vietnam and South Korea (RoK) established formal diplomatic relations in 1992. During nearly 30 years of training and research, Korean Studies in Vietnam has educated many talented students for Vietnam as well as Korea and contributed to the development of Vietnam - RoK relations. Furthermore, this strengthened the mutual understanding of the people of two countries.*

*Towards a new world context with many changes and the rapid development of bilateral relations, Korean Studies also requires renovations and improvements in the new stage of development. The objective of this article is to seek the new development orientations of Korean Studies that are able to contribute to the enhancement of Vietnam - Korea relations in the future. At the same time, it also thereby determines the orientations of training, research and the importance of sub-fields in Korean Studies.*

**Keywords:** Korean Studies in Vietnam; The role of Korea Studies; Vietnam - Korea relations; New development in Korean Studies